

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày: 16/01/2018
*V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản .*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Minh Nhựt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Điềm Dương;
2. Bà Hoàng Thị Xoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Anh Vũ là thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2017/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Ứng Lý M, sinh năm: 1967; địa chỉ: 150 xóm 3, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông P; địa chỉ: 28, tổ 20 thôn Phi Nôm, xã H, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng – là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2017 (có mặt).

2. Bị đơn: ông Nguyễn Viết C, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1975; Địa chỉ: 195 thôn Krănggò 2, xã Ka Đơn, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị L: ông Nguyễn Viết C - là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 9 năm 2017 (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Linh N, sinh năm: 1981, địa chỉ: 196 thôn Krănggò 2, xã Ka Đơn, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

4. *Người làm chứng:* ông Ứng Cẩm P (T), sinh năm: 1972 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978; địa chỉ: 196 thôn Krănggợ 2, xã Ka Đơn, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (bà T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai của bà Ứng Lý M có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông P tại phiên tòa hôm nay thì:

Ngày 07/10/2014, bà M cho bị đơn vay 300.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng. Ngày 12/02/2015 bị đơn trả cho bà M 200.000.000 đồng. Còn 100.000.000 đồng, đến nay, bà đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả. Khi bị đơn vay tiền của bà M có bà Nguyễn Thị Linh N (em ruột của ông C) viết giúp bị đơn giấy vay tiền ghi ngày 07/10/2014. Bà N ghi xong, đọc cho bà M nghe và bà M đã đồng ý cho bị đơn vay tiền. Ngày 08/10/2014, bà M giao cho bị đơn vay số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, ông C là người trả số nợ gốc 200.000.000 đồng cho bà M ngày 12/02/2015. Số nợ còn lại 100.000.000 đồng, ông C hẹn 01 tháng sau sẽ trả hết. Số tiền nợ vay nói trên, giữa bà M và bị đơn thỏa thuận lãi suất là 1000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày nhưng không ghi thỏa thuận này trong giấy vay tiền. Tiền lãi 01 tháng của số tiền vay 300.000.000 đồng là 9.000.000 đồng. Cho đến khi ông C trả 200.000.000 đồng tiền lãi 04 tháng là 36.000.000 đồng nhưng bà M chỉ mới nhận của ông C, bà L 15.000.000 đồng. Nay, bà M yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi cho bà theo lãi suất 0,75%/tháng tương đương với lãi suất vay ngân hàng. Lãi của số tiền vay 300.000.000 đồng đến thời điểm trả 200.000.000 đồng vào ngày 12/02/2015 là 04 tháng = 9.000.000 đồng. Lãi của số tiền 100.000.000 đồng từ ngày 12/02/2015 đến thời điểm xét xử sơ thẩm hôm nay làm tròn 35 tháng theo mức lãi suất 0,75%/tháng = 26.250.000 đồng. Tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho bà M là 35.250.000 đồng. Do bị đơn đã trả cho bà M 15.000.000 đồng nên nay bà M yêu cầu bị đơn còn phải trả cho bà số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 35.250.000 đồng - 15.000.000 đồng = 20.250.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi bà M yêu cầu bị đơn phải trả là 120.250.000 đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Viết C trình bày:

Ông bà không đồng ý trả cho bà M 120.250.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi như bà M trình bày vì ông bà không vay của bà M 300.000.000 đồng. Số tiền vay trên là do bà Nguyễn Thị Linh N (em ruột ông C) viết giấy vay của bà M chiều tối ngày 07/10/2014. Khi đó, ông bà đi làm về thì bà M nhờ ông bà sang nhà bà N để ký giấy làm chứng việc bà N vay tiền của bà M. Đến nhà bà N, giấy vay tiền đã viết xong. Bà M yêu cầu ông bà ký làm chứng để bà M cho bà N vay tiền. Khi ký giấy vay tiền ngày 07/10/2014, do quen biết và tin tưởng bà M và em là Nguyễn Thị Linh N nên ông bà không đọc mà đồng ý ký vào giấy vay tiền nói trên rồi về. Giấy

vay tiền ngày 07/10/2014 do bà M đưa ra ông bà thừa nhận do ông bà ký và viết tên. Ngày 12/02/2015, do bà N phải chăm sóc con bị ốm, nên đã đưa 215.000.000 đồng (gồm cả tiền lãi 15.000.000 đồng và nợ gốc 200.000.000 đồng) nhờ ông bà trả cho bà M. Bà M có ghi giấy cho ông bà và ông bà đã nộp cho Tòa án. Quá trình vay tiền, viết giấy vay tiền và giao nhận tiền vay giữa các bên có ông Ứng Cẩm P và bà Nguyễn Thị T làm chứng. Ông bà cho rằng bà N mới là người có nghĩa vụ trả nợ cho bà M. Cho đến nay, ông bà không cung cấp thêm được chứng cứ gì khác để chứng minh ông bà không vay tiền của bà M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Linh N trình bày:

Bà là người vay của bà M 300.000.000 đồng ngày 07/10/2014. Nội dung giấy vay tiền ngày 07/10/2014 do bà M đọc cho bà ghi. Bà đồng ý ghi như vậy thì bà M mới cho bà vay tiền. Bà trực tiếp nhận số tiền 300.000.000 đồng của bà M ngày 08/10/2014 tại nhà ông Ứng Cẩm P (T - em ruột của bà M). Ông T cùng bà Nguyễn Thị T (vợ ông T – chị ruột của bà) chứng kiến việc giao nhận tiền. Ngày 12/02/2015, do con bà bị ốm nên đã nhờ ông C đem trả cho bà M 215.000.000 đồng trong đó tiền lãi là 15.000.000 đồng. Đến nay, do hoàn cảnh khó khăn nên bà chưa thể trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi cho bà M được. Bà cho rằng bà M khởi kiện ông C, bà L là không đúng vì bà là người vay tiền của bà M. Bà đồng ý và xin trả dần cho bà M số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi như bà M yêu cầu. Tại phiên tòa hôm nay, bà không có chứng cứ gì khác chứng minh bà chính là người vay tiền của bà M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương có quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án thì Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương. Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Quan điểm về việc giải quyết vụ án Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 120.250.000 đồng (trong đó số nợ gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi còn nợ là 20.250.000 đồng) như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến Hành hòa giải nhưng không thành, Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã ủy quyền cho ông Nguyễn Việt C tham gia tố tụng. Ông C có mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, và ông Ứng Cẩm P vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên ông Ứng Cẩm P đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp : Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giữa nguyên đơn Ứng Lý M, bị đơn Nguyễn Việt C, Nguyễn Thị L cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Linh N. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

[3] Về nội dung:

Ông C và bà L thừa nhận có ký giấy vay số tiền 300.000.000 đồng của bà M trong giấy vay tiền ghi ngày 07/10/2014. Tuy ông bà cho rằng không nhận số tiền 300.000.000 đồng từ bà M nhưng ông bà không có chứng cứ gì chứng minh. Giấy vay tiền thể hiện rõ ông Nguyễn Việt C và bà Nguyễn Thị L vay của bà M 300.000.000 đồng, có chữ ký và chữ viết của người vay là Nguyễn Việt C và Nguyễn Thị L. Giấy này không có nội dung nào thể hiện bà N là người vay tiền của bà M. Ông bà cho rằng do tin tưởng bà M và bà N nên ký vào giấy vay tiền nói trên. Tuy nhiên, tại thời điểm lập giấy vay tiền, ông bà là người biết chữ, khi ký vào giấy vay này ông bà phải biết hậu quả pháp lý có thể xảy ra đối với mình nhưng vẫn ký xác nhận nội dung giấy vay tiền nói trên. Tuy bà Nguyễn Thị Linh N cho rằng bà trực tiếp nhận 300.000.000 đồng từ bà M nhưng bà N, ông C, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà N là người vay của bà M số tiền trên.

Những người làm chứng Ứng Cẩm P và Nguyễn Thị T cho rằng có chứng kiến bà M cho bà N vay 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông bà cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh bà M trực tiếp giao 300.000.000 đồng cho bà N. Thậm chí, cho đến ngày 24/8/2017 ông bà mới biết được nội dung của giấy vay tiền ghi ngày 07/10/2014.

Tại phiên tòa, do ông C, bà L, bà N, ông P, bà T không có chứng cứ gì khác chứng minh chính bà N là người vay của bà M 300.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà M không thừa nhận lời những trình bày của bà N và ông C cũng như những người làm chứng. Bà M cho rằng lời khai của ông C, bà L, ông P, bà T là không có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, ông P vẫn giữ nguyên những lời trình bày của nguyên đơn và yêu cầu ông C và bà L phải trả cho bà M số tiền 120.250.000 đồng; Lời trình bày của nguyên đơn hoàn toàn có căn cứ và phù hợp

với chứng cứ là giấy vay tiền ghi ngày 07/10/2014 cũng như giấy trả số tiền 215.000.000 đồng ngày 12/02/2015 do ông C giao nộp cho Tòa án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận ông Nguyễn Việt C và bà Nguyễn Thị L là người vay của bà M số tiền 300.000.000 đồng theo giấy vay tiền ghi ngày 07/10/2014.

Do ông C và bà L đã trả cho bà M số tiền 215.000.000 đồng gồm có tiền lãi theo thỏa thuận là 15.000.000 đồng và nợ gốc 200.000.000 đồng. Do đó số nợ gốc còn lại là 100.000.000 đồng cần buộc ông C bà L tiếp tục trả cho bà M là có căn cứ.

[4] Về số tiền lãi: Do số tiền lãi 15.000.000 đồng mà ông C và bà L trả cho bà M ngày 12/02/2015 theo thỏa thuận là trái quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 35.250.000 đồng - 15.000.000 đồng (bà M đã nhận ngày 12/02/2015) = 20.250.000 đồng. Xét yêu cầu trả số tiền lãi này của bà M là không vượt quá quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên cần buộc bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 357, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 220, 227, khoản 2 Điều 229, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội;

Xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ứng Lý M khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Việt C và bà Nguyễn Thị L.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Việt C và bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn Ứng Lý M số tiền 120.250.000 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 20.250.000 đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Việt C và bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.012.500 đồng. Nguyên đơn bà Ứng Lý M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0003444 ngày 15 tháng 3 năm 2017 và 450.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0003691 ngày 25/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đơn Dương;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Minh Nhật